

Bản án số: 365/2026/HS-ST

Ngày: 17/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Oanh
2. Bà Trương Thị Lệ Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 395/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 461/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Ngô Văn T, sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 88 D, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: F T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T1 và bà Ngô Thị M; hoàn cảnh gia đình: Có vợ và 01 con, sinh năm 2014; tiền án: Ngày 25/4/2023 bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 45/2023/HS-ST. Ngày 01/9/2025 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 26/01/2024 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; Bị bắt giam từ ngày 12/10/2025 đến nay – Có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Hồng D, sinh năm: 2007; Địa chỉ: Thôn A, phường A, tỉnh Gia Lai – *Vắng mặt*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Nguyễn Thụy Mỹ T2, sinh năm: 1983; Địa chỉ: H A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

2/ Chị Nguyễn Thị Diễm L, sinh năm: 1994; Địa chỉ: 6 T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định và cần tiền tiêu xài cá nhân nên Ngô Văn T nảy sinh ý định đi cướp giật tài sản rồi bán lấy tiền. Vào khoảng 19 giờ ngày 09/10/2025, T một mình điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Wave A, biển số 62Z6 – 2285 đi xung quanh các tuyến đường trên địa bàn phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến trước nhà số B D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thì T thấy chị Trương Hồng H điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius, biển số 76AH – 072.48 chở chị Nguyễn Hồng D ngồi sau, đang sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 14 nên T điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Wave A, biển số 62Z6 – 2285 áp sát phía bên phải xe của chị H rồi dùng tay trái giật 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 của chị D đang cầm trên tay phải. Sau khi giật được điện thoại thì T tăng ga tẩu thoát. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì T điều khiển xe gắn máy trên đến cửa hàng Đ, địa chỉ D L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh gặp chị Nguyễn Thụy Mỹ T2. Tại đây, T viết giấy cam đoan là điện thoại của con gái T không phải do phạm tội mà có nên chị T2 mua điện thoại trên với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, T tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Đến ngày 12/10/2025 T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H bắt và đưa về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Ngô Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên

Theo Kết luận định giá tài sản số 1416/KL-HĐĐGTS ngày 17/11/2025 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân phường T, kết luận tại thời điểm định giá ngày 09/10/2025: “01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14, trị giá 9.300.000 đồng”.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda Wave A, biển số 62Z6 – 2285, số khung KLHHC12009Y075793, số máy: HC12E – 1624709 do ông Nguyễn Văn T3 đứng tên chủ sở hữu. Hiện không xác định được ông T3 đang ở đâu, làm gì (Bút lục 168). Làm việc với Ngô Văn T khai nhận xe gắn máy trên do chị Nguyễn Thị Diễm L cho T mượn

xe để làm phương tiện đi lại, không biết T sử dụng vào mục đích phạm tội. Làm việc với chị Ly K nhận xe gắn máy trên do chị L mua xe từ cửa hàng X địa chỉ 2 P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11/5/2025 với giá 9.500.000 đồng của chị Trần Thị Minh N. Làm việc với chị N khai nhận mua xe gắn máy trên từ anh Phạm Minh K1 (chủ tiệm cầm đồ Minh K1, địa chỉ I A, quận B. Làm việc với chị Trần Thị Thanh T4 (vợ anh K1) khai nhận xe gắn máy trên chị T4 nhận cầm đồ từ Lê Nguyễn Duy H1. Qua xác minh không biết anh H1 đang ở đâu, làm gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã đăng báo tìm chủ sở hữu.

- 01 điện thoại di động hiệu Realme. Là điện thoại cá nhân của T, không sử dụng vào mục đích phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14. Là điện thoại cá nhân của chị Nguyễn Hồng D. Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã trả lại cho chị D.

- 01 cái áo thun ngắn tay màu đen; 01 cái quần short jean; 01 cái nón bảo hiểm màu vàng, viền đen. Trang phục T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

Hiện đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số 79/PNK ngày 23/4/2026 của Phân trại khu vực P - Trại Tạm giam C, Công an Thành phố H.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thụy Mỹ T2 (chủ cửa hàng Đ) không yêu cầu bồi thường dân sự.

Chị Nguyễn Hồng D đã nhận được điện thoại nên không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại Bản cáo trạng số: 31/CT-VKS-KV9 ngày 12/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Ngô Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị:

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T từ 6 năm tù đến 7 năm tù.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở để xác định: Vào ngày 09/10/2025 tại trước nhà số B D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Ngô Văn T đã có hành vi điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 62Z6 – 2285 rồi dùng tay trái cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 trị giá 9.300.000 đồng của chị Nguyễn Hồng D. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật. Tình tiết tái phạm nguy hiểm đã là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt do đó không được xem là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu tài sản của người khác, gây nguy hại lớn về nhiều mặt đối với đời sống xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trong khu vực và trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cần phải xử lý nghiêm nhằm cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung đối với xã hội.

Đối với chị Nguyễn Thụy Mỹ T2 có hành vi mua điện thoại di động do bị cáo Ngô Văn T cướp giật mà có nhưng chị T2 không biết cũng như bị cáo T không nói điện thoại có được do “Cướp giật tài sản” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý hình sự chị T2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

Đối với Nguyễn Thị Diễm L cho T mượn xe để làm phương tiện đi lại, không biết T sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý hình sự đối với chị L là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Hồng D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm do đó Hội đồng xét xử không xét. Chị Nguyễn Thụy Mỹ T2 (chủ cửa hàng Đ) không yêu cầu bồi thường do đó Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Do đó miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda Wave A, biển số 62Z6 – 2285, số khung KLHHC12009Y075793, số máy: HC12E – 1624709 do ông Nguyễn Văn T3 đứng tên chủ sở hữu. Hiện không xác định được ông T3 đang ở đâu, làm gì. Làm việc với bị cáo Ngô Văn T khai nhận xe gắn máy trên do chị Nguyễn Thị Diễm L cho bị cáo T mượn xe để làm phương tiện đi lại, không biết bị cáo T sử dụng vào mục đích phạm tội. Làm việc với chị Ly K nhận xe gắn máy trên do chị L mua xe từ cửa hàng X địa chỉ 2 P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11/5/2025 với giá 9.500.000 đồng của chị Trần Thị Minh N. Làm việc với chị N khai nhận mua xe gắn máy trên từ anh Phạm Minh K1 (chủ tiệm cầm đồ Minh K1, địa chỉ I A, quận B. Làm việc với chị Trần Thị Thanh T4 (vợ anh K1) khai nhận xe gắn máy trên chị T4 nhận cầm đồ từ Lê Nguyễn Duy H1. Qua xác minh không biết anh H1 đang ở đâu, làm gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã đăng báo tìm chủ sở hữu. Hội đồng xét xử xét thấy xe không rõ nguồn gốc do đó cần thông báo trên phương tiện truyền thông đại chúng trong thời gian 06 tháng nếu chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp không đến nhận sẽ tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Realme. Là điện thoại cá nhân của T, không sử dụng vào mục đích phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội do đó cần trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14. Là điện thoại cá nhân của chị Nguyễn Hồng D. Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã trả lại cho chị D. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

- 01 cái áo thun ngắn tay màu đen; 01 cái quần short jean; 01 cái nón bảo hiểm màu vàng, viền đen. Trang phục T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng không còn giá trị sử dụng do đó cần tịch thu tiêu hủy.

Hiện đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số 79/PNK ngày 23/4/2026 của Phân trại khu vực P - Trại Tạm giam C, Công an Thành phố H.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2025.

[2] Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cái áo thun ngắn tay màu đen; 01 cái quần short jean; 01 cái nón bảo hiểm màu vàng, viền đen.

- Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu Realme.

- Giao cho Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng đối với: 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda Wave A, biển số 62Z6 – 2285 số khung KLHHC12009Y075793, số máy: HC12E – 1624709. Nếu hết thời hạn 06 tháng mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp không đến nhận thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Các vật chứng trên hiện đang nhập kho theo Phiếu nhập kho vật chứng số 79/PNK ngày 23/4/2026 của Phân trại khu vực P - Trại Tạm giam C, Công an Thành phố H.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[6] Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND KV9-TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa – Phân
trại tạm giam Phú Thọ Hòa;
- Phòng PC06 – Công an TP.HCM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Ngọc Phượng